

16°
Indoch
1200

HÀO DỤC MỸ THUẬT BỘ



CHƯƠNG TRÌNH TRUNG HỌC



16°
Indoch.
1200

1534

CHUONG TRINH
TRANG HOA



CHU'ONG TRINH TRUNG HOC



GIÀO DỤC MỸ THUẬT BỘ



CHU'ÔNG TRÌNH TRUNG HỌC



160 Indo ch
1534



THE LỆ BẬC TRUNG HỌC

I. — Chiếu theo Dự số 67 ngày 30-6-1945 của Việt-Nam Hoàng-Đế, bắt đầu học khóa 1945-1946, sẽ bãi bỏ bậc Cao-dẳng tiểu-học và bậc Trung-học tổ chức theo thể lệ ban hành từ trước.

II. — Sau bậc Tiểu-học, sẽ tổ chức một bậc Trung-học (trường học duy nhất). Bậc trung-học mới chia ra làm hai cấp :

1o) **Cấp trung học phổ thông** : gồm có bốn lớp : đệ nhất niên, đệ nhị niên, đệ tam niên và đệ tứ niên trung-học phổ-thông.

Mỗi lớp có hai ban : ban A hay là ban Cổ văn
ban B » » » Kim văn.

Bảng chia giờ hàng tuần và chương trình học khóa định theo đây.

Tốt nghiệp thi bằng trung-học phổ-thông.

2o) **Cấp trung học chuyên khoa** : gồm có ba lớp : đệ nhất niên, đệ nhị niên và đệ tam niên trung-học chuyên-khoa. Mỗi lớp có bốn ban :

Ban khoa học A chuyên về Vạn vật học.

Ban » » B chuyên học Toán pháp và Lý hóa học.

Ban Sinh ngữ chuyên khoa.

Ban Hán tự chuyên khoa.

Học sinh hai ban khoa học A và B, tùy theo chí hướng và sức học, có quyền chọn học chương trình Hán học hay chương trình một sinh ngữ thứ hai.

III. — Bắt đầu từ khai giảng niên khóa 1945-46, tất cả các trường Cao-đẳng tiểu-học sẽ đổi làm trường Trung-học phổ-thông và tất cả các trường trung-học hiện tại sẽ đổi làm trường Trung-học chuyên-khoa.

Riêng trong niên-khóa 1945-1946, sẽ còn giữ lại các lớp Triết-học văn chương, Triết-học khoa học và Toán-pháp sơ đẳng, dành cho học sinh đã đỗ bằng Trung-học Sơ-cấp.

IV. — Theo nghị định số 113 ngày 3 tháng 7, 1945 của Bộ-Trưởng Bộ Giáo-dục Mỹ-thuật, muốn vào lớp đệ nhất trung-học phổ - thông các trường công, học sinh phải có bằng Tiểu-học và không quá 14 tuổi chẵn, kể tới ngày 31 tháng 12 dương lịch năm xin vào.

Muốn vào lớp đệ nhất niên trung-học chuyên-khoa các trường công, học sinh phải có bằng trung-học phổ-thông hay một bằng tương đương (Cao-đẳng tiểu-học, Brevet Elémentaire, Brevet d'enseignement primaire supérieur) và không quá 18 tuổi chẵn kể tới ngày 31 tháng 12 dương lịch năm xin vào.

Riêng năm 1945, hạn tuổi thi vào hai hai lớp ấy gia thêm cho là 15 tuổi và 19 tuổi.

Đối với nữ học-sinh các hạn tuổi trên này đều gia thêm một năm.

V. — Ngày thi và số học-sinh lấy vào các lớp sẽ do Bộ Giáo-Dục Mỹ-thuật định. Hội-đồng khảo thi gồm có hiệu trưởng trường chủ tịch và giáo-sư mỗi cấp làm giám-khảo.

VI. — Các môn thi định như sau này :

1^o) Thi vào đệ nhất phổ thông :

Một bài ám-tả và câu hỏi, 1 giờ, nhân số 2

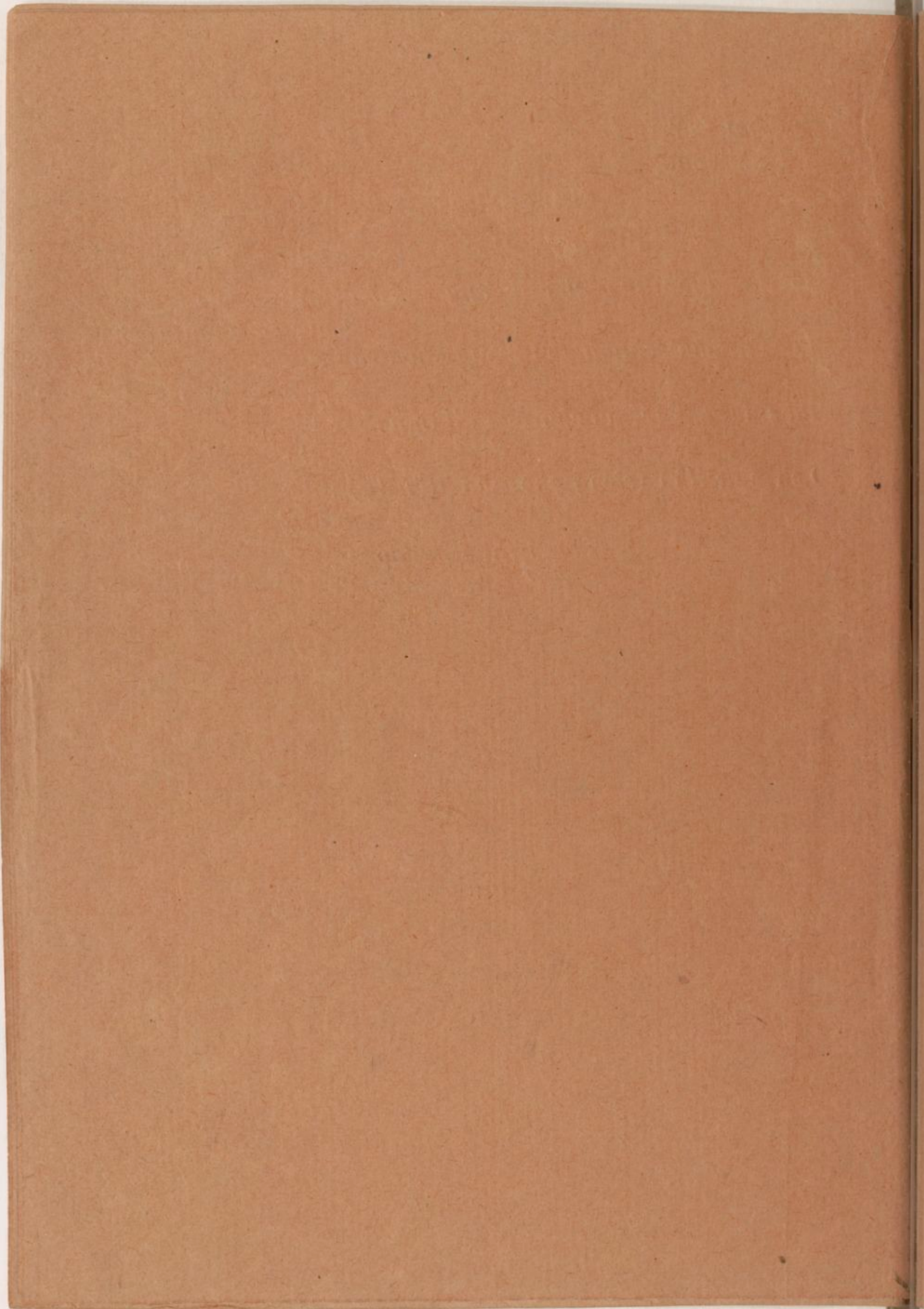
Một bài luận quốc-văn,	1 giờ,	nhân số	3
Hai bài toán,	1 giờ 30 p.	»	» 3

Không thi vấn-đáp.

2^o) Thi vào đệ nhất chuyên khoa:

Một bài luận quốc-văn (chung cho 4 ban) :	2 giờ 30	nhân số	3
Một bài toán (chung cho 2 ban khoa-học A,B) :	2 giờ 30	»	» 4
Hai sinh-ngữ (riêng cho ban Sinh-ngữ) :	3 giờ	» $2 \times 2 = 4$	
Dịch chữ Hán (riêng cho ban Hán-tự) :	2 giờ	»	số 4

Không thi vấn-đáp



**Bảng chia giờ dạy hàng tuần các môn giáo-khoa của bậc
Trung-Học phổ-thông**

Các môn giáo-khoa	C Á C L Ớ P							
	BAN A				BAN B			
	Đệ Nhất	Đệ Nhị	Đệ Tam	Đệ Tứ	Đệ Nhất	Đệ Nhị	Đệ Tam	Đệ Tứ
Quốc văn	4	4	4	4	4	4	4	4
Hán	4	4	4	4	4	4	4	4
Luân lý công dân	1	1	1	1	1	1	1	1
Toán	3	3	3	3	3	3	3	3
Lý hóa	1 $\frac{1}{2}$	1 $\frac{1}{2}$	2	2	1 $\frac{1}{2}$	1 $\frac{1}{2}$	2	2
Vạn vật	1 $\frac{1}{2}$	1 $\frac{1}{2}$	1	1	1 $\frac{1}{2}$	1 $\frac{1}{2}$	1	1
Sinh ngữ	4	4	4	4	4	4	4	4
Sinh ngữ	-	-	-	-	3	3	3	3
Sử, địa-dư	2	2	2	2	2	2	2	2
Vẽ	1	1	1	1	1	1	1	1
Thủ công	2	2	2	2	2	2	2	2
Nhạc	1	1	1	1	1	1	1	1
	25	25	25	25	25	25	25	25
Nữ công	2	2	2	2	2	2	2	2
Nuôi trẻ	0	0	1	1	0	0	1	1

**Bảng chia giờ dạy hàng tuần các môn giáo khoa của bậc
Trung-Học chuyên-khoa**

Các môn giáo-khoa	KHOA-HOC A			KHOA-HOC B			SINH NGỮ			HAN TỰ		
	Đệ Nhất	Đệ Nhị	Đệ Tam	Đệ Nhất	Đệ Nhị	Đệ Tam	Đệ Nhất	Đệ Nhị	Đệ Tam	Đệ Nhất	Đệ Nhị	Đệ Tam
Quốc-văn	2		2	2		2	3		2	4		2
Hán	(2)	(2)	(2)	(3)	(3)	(1)	1		1	6		3
Toán	4	4	4	6	6	7	1		1	1		1
Lý-Hóa	3	4	4	3	4	5	2		2	2		2
Vạn-vật	3	3	4	0	0	2	0		2	0		2
Sinh-ngữ	4	3	2	4	3	1	5		4	4		2
Sinh-ngữ	(2)	(2)	(2)	(3)	(3)	(1)	4		4	-		-
Triết, Kinh tế	1	1	2	1	1	2	2		3	2		3
Sử, Địa-dư	2	2	2	2	2	2	3		3	3		1
Vẽ	1	1	1	1	1	1	1		1	1		1
Thực-hành	2	2	2	2	2	2	2		1	1		1
Nhạc	1	1	1	1	1	1	1		1	1		1
	25	25	25	25	25	25	25		25	25		25
Nữ công	2	2	2	2	2	2	2		2	2		2
Nuôi trẻ	1	1	0	1	1	0	1		0	1		0

(1) Ban Khoa-Học A và B có hai cách chọn: hai sinh-ngữ hoặc 1 sinh-ngữ và hán-tự.

I. — CHƯƠNG TRÌNH QUỐC VĂN

TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

LỚP ĐỆ NHẤT A VÀ B

Chính tả và văn phạm : Bài chọn trong các tác phẩm văn xuôi gần đây và trong các tác phẩm Hán và Hán Việt dịch ra quốc âm (cho ban B), trong các tác phẩm tây phương dịch ra quốc âm (cho ban A).

Văn phạm giảng theo bài đọc cho học trò.

Luận : Hai tuần một bài. Cứ một bài làm ở lớp lại một bài làm ở nhà. Tả cảnh, kể chuyện, viết thư. Đề rất dễ, rút trong đời sống hàng ngày của học sinh.

Giảng văn :

- a) Những đoạn trích trong Trê cóc, Lục vân Tiên, Nhị thập tứ hiếu, Nữ Tú tài, Nhị độ mai, Bần nữ thần, Hoàng Trừu.
- b) Ca dao và chuyện cổ tích.
- c) Thơ Lê Thánh Tông và hát nói Trần tế Xương.
- d) Vài đoạn văn xuôi của các tác giả hiện đại (lựa chọn cẩn thận theo trình độ lớp.)

LỚP ĐỆ NHỊ A VÀ B

Chính tả và văn phạm : Như lớp đệ nhất.

Luận : Như lớp đệ nhất.

Giảng văn:

- a) Những đoạn trích trong Phan Trần, Gia huấn ca, Quan âm Thị Kính, Bích câu kỳ ngộ, Lý Công, Phương Hoa, Lục súc tranh công.
- b) Ca dao và chuyện cổ tích.
- c) Thơ Bà Huyện Thanh Quan, Nguyễn Khuyến, Phan thanh Giản.
- d) Vài đoạn văn xuôi.

LỚP ĐỆ TAM A VÀ B

Văn phạm: Nguồn gốc tiếng Việt, các loại tiếng (theo thứ tự trong sách Việt Nam văn-phạm của Ô. Trần trọng Kim).

Luận: Tả cảnh, kể chuyện, viết thư, nghị-luận, có tính cách luân-lý (hai tuần một bài, cứ một bài làm ở lớp lại một bài làm ở nhà),

- Giảng văn:**
- a) Trích Chinh phụ ngâm, Cung oán ngâm khúc.
 - b) Ca dao.
 - c) Thơ văn trước Đoạn trường tân thanh: Thơ nôm đời Trần, Nguyễn Trãi, Lê thánh Tông, Nguyễn bỉnh Khiêm, Lê quý Đôn, di thần nhà Lê, Đặng đức Siêu.
 - d) Văn xuôi trích của các tác giả hiện tại.

CHÚ : Nhân giảng văn sẽ cho học trò biết ít điều đại cương về văn học sử từ đời Trần đến đầu thế kỷ thứ XIX và những điều thường thức về các thể: nói vè, truyện, ngâm, đối kèn, thơ Đường luật, văn sách, kinh nghĩa, văn tế.

LỚP ĐỆ TỨ A VÀ B

Văn phạm: Các loại tiếng (tiếp theo). Cách đặt câu. Các thứ mệnh đề. Mỹ tự pháp.

Luận: Như lớp đệ tam, chỉ thêm những đề hơi có tính cách văn-chương.

Giảng văn :

a) Trích *Đoạn trường tân thanh*. Các tác phẩm khác bằng tiếng Việt của Nguyễn-Du. Tỳ bà hành (bản dịch) Quốc sử diễn ca.

b) Thơ văn sau *Đoạn trường tân thanh* : Lý văn Phức. Cao bá Quát, Cao bá Nha, Nguyễn đình Chiếu (trừ Lục văn Tiên). Tôn thọ Tường, Phan văn Trí, Chu mạnh Trinh, Nguyễn công Trứ ; Dương Khuê, Vũ phạm Hàm, thơ văn cận đại và hiện đại.

CHÚ : Nhân giảng văn, sẽ cho học trò biết ít điều đại cương về văn học sử từ đầu thế kỷ thứ XIX đến nay cùng những điều thường thức về các thể : thơ cổ phong, hát nói, phú, thơ mới.

c) Văn xuôi, trích ở các tác giả hiện tại

TRUNG HỌC CHUYÊN KHOA**LỚP ĐỆ NHẤT HẠN TỰ**

Văn học sử : Từ đầu thế kỷ thứ XIX về trước (về chi tiết có thể theo quyển Việt Nam văn học sử yếu của Ô. Dương quang Hàm).

Luận : Đề luận lý hay văn chương (hai tuần một bài).

Giảng văn :

a) Trích *Trình thử*, *Hoa tiên*, *Mai đình mộng ký*. Học trọn *Chinh phụ ngâm*, *Cung oán ngâm khúc*.

b) Thơ văn trước *Đoạn-trường tân thanh* : Thi sĩ đời Trần (thi nhân đời Trần Anh Tông, vua Trùng Quang và Nguyễn Biền) ; thơ nôm đời Hồng đức ; Nguyễn bỉnh Khiêm, Nguyễn Hàng, Hoàng sĩ Khải, Lê quý Đôn, Nguyễn bá Lân, Nguyễn hữu Chính, Nguyễn huy Lượng, Phạm Thái, Đào duy Từ, Nguyễn cư Trinh, Hoàng Quang, Lê ngọc Hân.

CHÚ : Nhân giảng văn, sẽ lần lượt nói đến mọi sự kiện do cuộc tiếp xúc với phương Tây gây nên : việc sáng tác chữ Quốc ngữ. Ảnh hưởng các nhà văn cách mệnh nước Tàu, ảnh hưởng tư tưởng và văn chương Âu-Tây sự biến hóa các thể văn : sử ký, hát bội, chèo và sự xuất hiện những thể văn mới : tiểu thuyết, kịch, phê bình v.v...



PHỤ CHÚ

- 1o) Ở bản Trung học Phổ thông, không một tác phẩm dài nào học trọn.
- 2o) Có thể giảng thêm một vài tác giả không ghi tên trong chương-trình.
- 3o) Trừ những tác phẩm chính (in chữ ngả) các tác phẩm khác chỉ trích giảng một hai bài.
- 4o) Mỗi lớp sẽ có một quyển hợp tuyển chỉ dùng riêng trong lớp ấy để những bài giảng ở các lớp khỏi trùng nhau.

II. — CHƯƠNG TRÌNH HÁN HỌC

TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

LỚP ĐỆ NHẤT A

(Mới bắt đầu học chữ Hán, mỗi tuần 4 giờ)

Học văn tự — Đơn thể tự, hợp thể tự, đơn ngữ, phức ngữ.
(Khi dạy đơn thể tự và hợp thể tự thì dạy luôn cách viết).
Tự tính, thực tự, hư tự — Những điều giản yếu về cú pháp. Luật hạn định ngữ (dẫn giải trong khi giảng bài học ở khóa bản). Từ ngữ: (lựa chọn những từ ngữ và những bài đại khái theo tầng thứ sau này: người, thân thể, y phục, gia đình.

Tập đọc và học thuộc: Những bài văn xuôi trích ở khóa bản.
Những bài thơ Lý Trần.

Luyện tập: Tập viết: ám tả, thính tả.
Điền chữ, đặt câu, điền câu.
Dịch hán văn ra quốc văn.
Dịch quốc văn ra hán văn.

Khóa bản: Quyển I và quyển II bộ Tân Quốc-văn của nhà
Thương-vụ ấn thư quán (hoặc sách tương tự).
Ấu học giáo khoa thư của Đoàn Triển.
Thơ Lý Trần.

Giảng nghĩa và học thuộc : Bài trích trong các khóa bản.

Luyện tập : Tập đọc, tập viết chữ thảo.

Phóng tác, sáng tác (kỹ thuật, luận thuyết)

Dịch văn ngôn ra bạch thoại.

Dịch hán-văn ra quốc-văn.

Dịch quốc-văn ra hán-văn.

Khóa bản : Cao-đẳng quốc-văn tân khóa bản (quyển IV, V)

Cao-bá-quát : Chu thần thi tập

Phan-thanh-Giản : Lương-Kê thi tập

Phan-huy-Chú : Lịch triều hiến chương (Tự a),

Nguyễn-trường-Tộ : Điều-trần tập.

Trung dung (trích)

Trang tử (trích)

Tả truyện (trích)

Ly tao (trích)

Sử ký (trích)

Âm băng thất toàn tập

Hồ thích văn tôn (trích)

Quốc - sử diễn ca (bản nôm)

Xem thêm : Thủy-Hử, Liễu-trai chí di, Hồng lâu mộng.

TRUNG HỌC CHUYÊN KHOA

(*Khoa - học A, B và sinh - ngữ*)

LỚP ĐỀ NHẤT

Dùng sách Hán-văn giáo khoa thư lớp Trung-đẳng của Lê-Thước.

Thơ Lý Trần, Luận - ngữ (trích).

thần kỷ luật. — Tinh thần đoàn kết. — Tinh thần hy sinh. —

Những tư cách phải có của người đứng chỉ huy.

Chức vụ thanh niên trong nước. — Chức vụ anh tài trong nước

Cần phải có một lý tưởng hoạt động.

Công-dân giáo-dục: Kinh tế học lược giảng.

Sản-xuất tài-sản. — Lưu-thông tài-sản. — Phân-phối và tiêu thụ tài-sản.

Địa-vị nước Việt-Nam ở Đại-dòng-Á và trong hoàn cầu. —

Bồn phận và quyền lợi đối với vạn quốc. — Cách dung hòa lòng yêu nhân loại với lòng yêu nước. — Bình luận về trạng thái hiện thời của nước Việt-Nam. — Lòng tin tuyệt đối ở tương lai nước ta.

đường thẳng, của một đường thẳng và một mặt phẳng góc hai mặt. — Mặt phẳng thẳng góc. — Góc nhiều mặt : hình lăng-trụ, hình chóp, hình hộp, hình lăng-trụ cắt. — Diện tích xung quanh và thể tích. — Hình trụ, hình nón tròn xoay, diện-tích và thể-tích.

Hình cầu : tính-cách. — Diện-tích, thể-tích.

Số học hoặc đại-số học. — Căn số bậc hai. — Cách lấy. — Cách dùng bảng số bình phương, căn số bậc hai và bậc ba. — Phương trình bậc hai — Hàm số : ax^2 , $\frac{a}{x}$, $\sin x$, $\cos x$, $\operatorname{tg} x$. —

Tính đổ về đại-số học : chia phần, hỗn hợp, hợp kim, chuyển động đều, số bách phân, tiền lãi, chiết khấu.

Vẽ toán. — Lập bức đồ và đặc-diễn. — Phác-họa có kích thước những khối hình-học thông thường với cách phối cảnh « ky mã ». Vẽ biểu diễn các hàm số $y = f(x)$.

III. Từ-học.

IV. Động-điện-học. Ôn lại chương-trình lớp Độ tứ phổ-thông.

V. Sự phóng điện trong khí kém. Tia âm-cực. Tia X.
Tính chất phóng xạ.

VI. Dao-động-điện. Nguyên-tắc vô-tuyến-điện.

Hóa-học.— Định-nghĩa chất hữu-cơ. Nguyên-tắc phân-tích
đầu và phân-tích nguyên tố. Phép hóa-hợp hữu-cơ. Chức.
Tổp đồng-đẳng. Công-thức khai-triển. Tính chất đồng
phân. Cách phân loại chất hữu-cơ ra loại béo và loại thơm.

Cac bua no : Mê tan.

Cac bua không no : Ê ty len. A ê ty len. Dầu lửa. Khí thắp.

Rượu ê ty lic. Chức rượu.

Ôc xyt ê tyl. Acit acêtic. Chức acit hữu-cơ.

Chất béo. Gly ê rin, nển và sa vòng.

Ben zen. Cac bua loại thơm.
